TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI ĐÀ NẴNG	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **141**/2019/DS-PT
Ngày: 20-8-2019
V/v: *Tranh chấp liên quan đến yêu cầu tuyên bố văn bản công chứng vô hiệu, yêu cầu hủy quyết định cá biệt và chia thừa kế theo pháp luật*

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI ĐÀ NẴNG

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông **Nguyễn Cường**

Các Thẩm phán: Ông **Phạm Tồn**

Ông **Mai Xuân Thành**

- Thư ký phiên tòa: Ông **Phạm Minh Hoàng**, Thư ký Tòa án nhân dân cấp cao Đà Nẵng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng tham gia phiên tòa: Ông **Nguyễn Thế Vinh**- Kiểm sát viên.

Ngày 20 tháng 8 năm 2019 tại trụ sở Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng tiến hành xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 149/TBTL-TA ngày 21 tháng 3 năm 2019 về "Tranh chấp liên quan đến yêu cầu tuyên bố văn bản công chứng vô hiệu, yêu cầu hủy quyết định cả biệt và chia thừa kế theo pháp luật". Do có kháng cáo của người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan đối với Bản án sơ thẩm số 59/2018/DS-ST ngày 30/11/2018 của Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Nam. Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 881/2019/QĐ-PT ngày 22 tháng 7 năm 2019 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Ông Ngụy Như H; địa chỉ: thành phố H, tỉnh Quảng Nam. Có mặt. Ông H uỷ quyền cho bà Nguỵ Thị Như Đ (văn bản uỷ quyền ngày 19/8/2019). Bà Đ có mặt.

- Bị đơn: Văn phòng công chứng H; địa chỉ: thành phố H, tỉnh Quảng Nam. Vắng mặt nhưng có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1. Ông Ngụy Như T; địa chỉ: thành phố H, tỉnh Quảng Nam.Có mặt.

2. Bà Ngụy Thị Như Đ; địa chỉ: thành phố H, tỉnh Quảng Nam. Có mặt.

3. Ông Ngụy Như H1; địa chỉ: thành phố H, tỉnh Quảng Nam.Có mặt.

4. Ông Ngụy Như Q; địa chỉ: thành phố H, tỉnh Quảng Nam.Có mặt.

5. Ông Ngụy Như S, bà Trần Thị Minh N; địa chỉ: thành phố H, tỉnh Quảng Nam. Có mặt.

6. Bà Ngụy Thị Kim O; địa chỉ: thành phố H, tỉnh Quảng Nam. Vắng mặt.

7. Bà Trần Thị Minh N; địa chỉ: thành phố H, tỉnh Quảng Nam. Có mặt.

Bà O, Bà N và ông S uỷ quyền cho ông Nguyễn Cửu H2; địa chỉ: thành phố H, tỉnh Quảng Nam. Ông Hùng có mặt.

8. UBND thành phố H, tỉnh Quảng Nam

Đại diện theo ủy quyền: ông Nguyễn Thế H - Phó chủ tịch.Ông H có đơn đề nghị xét xử vắng mặt (văn bản ngày 12/8/2019)

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo đơn khởi kiện, đơn khởi kiện bổ sung, lời trình bày trong quả trình tố tụng và tại phiên toà của nguyên đơn ông Ngụy Như H thì ý kiến của ông Ngụy Như H như sau:

Năm 2007 mẹ ông qua đời, đến năm 2009 bà Ngụy Thị Kim O nói với anh em trong gia đình là muốn vay tiền nên anh em trong gia đình thống nhất từ chối phần tài sản của mẹ để lại và lập văn bản phân chia tài sản thừa kế để một mình cha ông là ông Ngụy Như C đứng tên trong Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AB 503997 do Ủy ban nhân dân thị xã H (nay là thành phố H) cấp ngày 09/8/2005, đối với thửa đất số 5, tờ bản đồ số 17, diện tích 609,5 m^2; địa chỉ: Tổ 6. khối 2, phường S, thành phố H, tỉnh Quảng Nam. Mục đích của việc này là tạo điều kiện cho Bà O vay tiền tại ngân hàng.

Sau đó, vào ngày 30/8/2010, Văn phòng công chứng H công chứng Hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất giữa bên tặng cho là cha ông ông Ngụy Như C và bên nhận tặng cho là ông Ngụy Như S, bà Ngụy Thị Kim O; số công chứng 02472 quyển số 01/TP/CC-SCC/HĐGD. Hợp đồng này vi phạm các quy định của Luật công chứng năm 2006. Theo khoản 6 điều 35 và khoản 3 điều 36 của Luật công chứng năm 2006 thì người yêu cầu công chứng và công chứng viên phải ký vào từng trang của hợp đồng nhưng tại hợp đồng này thì trang đầu tiên không hề có ai ký hay điểm chỉ; trang đầu tiên chứa nhiều nội dung quan trọng như tên hợp đồng, chủ thể hợp đồng, đối tượng hợp đồng. Theo khoản 2 Điều 41 của Luật công chứng năm 2006 thì việc điểm chỉ được thay thế việc ký trong văn bản công chứng trong các trường hợp người yêu cầu công chứng, người làm chứng không ký được do khuyết tật hoặc không biết ký. Tuy nhiên, cha ông ông Ngụy Như C là người biết chữ, tại văn bản phân chia tài sản thừa kế số công chứng 1929/9, quyển số 01/TP/CC-SCC/HĐGD ngày 04/9/2009 thì cha ông vẫn ký và viết tên. Tại thời điểm lập văn bản công chứng số 02472 này thì cha ông đã 91 tuổi, tai bị điếc, mắt mờ, đầu óc không còn biết gì nữa chứ nếu còn minh mẫn thì cha ông đã tự ký và viết tên.

Trong hợp đồng công chứng số 02472 thể hiện địa điểm là tại Văn phòng công chứng H. Tuy nhiên, đại diện theo ủy quyền của bị đơn ông Nguyễn Văn H3 thì trình bày "vì ông Ngụy Như C lớn tuổi, đi lại khó khăn nên việc công chứng được thực hiện tại nhà theo yêu cầu của người công chứng".

Do đó, hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất giữa bên tặng cho là cha ông ông Ngụy Như C và bên nhận tặng cho là ông Ngụy Như S, bà Ngụy Thị Kim O; số công chứng 02472 quyển số 01/TP/CC-SCC/HĐGD ngày 30/8/2010 là vô hiệu. Ông H khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết các vấn đề cụ thể như sau:

- Tuyên bố hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất, số công chứng 02472, quyển số 01/TP/CC-SCC/HĐGD do Văn phòng công chứng H lập ngày 30/8/2010 được giao kết giữa bên tặng cho là ông Ngụy Như C và bên nhận tặng cho là ông Ngụy Như S và bà Ngụy Thị Kim O vô hiệu;

- Hủy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BB 419915 do Ủy ban nhân dân thành phố H, tỉnh Quảng Nam cấp ngày 29/9/2010 đứng tên ông Ngụy Như S và bà Ngụy Thị Kim O;

- Chia di sản thừa kế do ông Ngụy Như C để lại gồm ngôi nhà cấp 4 và đất tại thửa số 05, tờ bản đồ số 17, diện tích 609,5 m^2, tại địa chỉ: số 247/1 N, phường S, thành phố H, tỉnh Quảng Nam theo quy định của pháp luật.

- Hủy Quyết định số 461/QĐ-UBND ngày 08/02/2017 của Ủy ban nhân dân thành phố H, tỉnh Quảng Nam về việc cho phép chuyển đổi vị trí sử dụng đất.

- Hủy Quyết định số 1597/QĐ-UBND ngày 19/7/2017 của Ủy ban nhân dân thành phố H, tỉnh Quảng Nam về việc cho phép chuyển đổi vị trí sử dụng đất.

Các ông (bà) Ngụy Như T, Ngụy Thị Như Đ, Ngụy Như H1, Ngụy Như Q thống nhất với ý kiến của ông Ngụy Như H.

Theo bản trình bày ngày 07/8/2017, lời trình bày trong quá trình tố tụng và tại phiên tòa của đại diện theo ủy quyền cho bị đơn ông Nguyễn Văn H3 thì ý kiến của bị đơn như sau:

Ngày 30/8/2010, Văn phòng công chứng H công chứng Hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất giữa bên tặng cho là cha ông ông Ngụy Như C và bên nhận tặng cho là ông Ngụy Như S, bà Ngụy Thị Kim O; số công chứng 02472 quyển số 01/TP/CC-SCC/HĐGD. Hợp đồng này được lập theo đúng trình tự, thủ tục công chứng, được thực hiện khách quan, theo đúng quy định của pháp luật và đúng ý chí của các bên. Vì ông Ngụy Như C lớn tuổi, đi lại khó khăn nên việc công chứng được thực hiện tại nhà theo yêu cầu của người yêu cầu công chứng. Tại hợp đồng này, công chứng viên và bên yêu cầu công chứng không ký vào tờ thứ nhất là do sai sót của văn phòng vì lúc đó văn phòng mới thành lập. Văn phòng công chứng H đề nghị Tòa án bác yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Ngụy Như H đối với yêu cầu: tuyên bố hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất, số công chứng 02472, quyển số 01/TP/CC- SCC/HĐGD do Văn phòng công chứng H

lập ngày 30/8/2010 được giao kết giữa bên tặng cho là ông Ngụy Như C và bên nhận tặng cho là ông Ngụy Như S và bà Ngụy Thị Kim O vô hiệu.

Tại các văn bản số 2676/UBND ngày 19/7/2017, văn bản số 3035/UBND ngày 6/9/2018 của Uỷ ban nhân dân thành phố H, tỉnh Quảng Nam thì ý kiến của Uỷ ban nhân dân thành phố H như sau:

Việc Uỷ ban nhân dân thành phố H cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản gắn liền với đất số BB419915 cấp ngày 29/9/2010 đứng tên ông Ngụy Như Sơn và bà Ngụy Thị Kim O; Quyết định số 461/QĐ-UBND ngày 8/02/2017 của UBND thành phố H, tỉnh Quảng Nam về việc cho phép chuyển đổi vị trí sử dụng đất; Quyết định số 1597/QĐ-UBND ngày 19/7/2017 của UBND thành phố H, tỉnh Quảng Nam về việc cho phép chuyển đổi vị trí sử dụng đất là đảm bảo trình tự, thủ tục theo quy định của pháp luật nên đề nghị Toà án bác yêu cầu khởi kiện này.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan ông Ngụy Như S trình bày như sau:

Năm 2007 mẹ ông qua đời, đến năm 2009 anh em trong gia đình thống nhất từ chối phần tài sản của mẹ để lại và lập văn bản phân chia thừa kế để một mình cha ông là Ngụy Như C đứng tên trong Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AB 503997 do UBND thị xã H (nay là thành phố H) cấp ngày 9/8/2005, đối với thửa đất số 5, tờ bản đồ số 17, diện tích 609,5 m^2; tại địa chỉ: Tổ 6, khối 2, phường S, thành phố H. Vào ngày 30/8/2010, văn phòng công chúng H công chứng Hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất giữa bên tặng cho là cha ông ông Ngụy Như C và bên nhận tặng cho là ông Ngụy Như S, bà Ngụy Thị Kim O; số công chứng 02472 quyển số 01/TP/CC-SCC/HĐGĐ. Sau đó ông và Bà O được UBND thành phố H cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản gắn liền với đất số BB419915 ngày 29/9/2010. Do nhu cầu về nhà ở nên ông đã làm thủ tục để chuyển đổi vị trí sử dụng đất đối với thửa đất trên và được Uỷ ban nhân dân thành phố H cho phép bằng các quyết định số 461/QĐ-UBND ngày 8/2/2017, Quyết định số 1597/QĐ-UBND ngày 19/7/2017 của UBND thành phố H, tỉnh Quảng Nam về việc cho phép chuyển đổi vị trí sử dụng đất. Toàn bộ việc tặng cho, cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho ông và Bà O, chuyển đổi vị trí sử dụng đất đối với thửa đất nêu trên đều đúng quy định của pháp luật. Do đó đề nghị toà án bác toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông Ngụy Như Hường.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan bà Ngụy Thị Kim O và bà Trần Thị Minh N thống nhất với ý kiến của ông Ngụy Như S.

Ý kiến của Kiểm sát viên Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Quảng Nam tham gia phiên tòa: Thẩm phán được phân công và Hội đồng xét xử tại phiên tòa đã tuân theo đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Việc thu thập chứng cứ được thực hiện đầy đủ, tại phiên tòa Hội đồng xét xử đã hỏi rõ, đầy đủ, làm rõ bản chất nội dung vụ án, tạo điều kiện cho các bên tranh luận theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Thư ký phiên tòa chấp hành đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Đương sự, người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của đương sự chấp hành đúng quy định của pháp luật. Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về việc: Tuyên bố hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất và tài sản gắn

liền với đất, số công chứng 02472, quyển số 01/TP/CC-SCC/HĐGD do Văn phòng công chứng H lập ngày 30/8/2010 được giao kết giữa bên tặng cho là ông Ngụy Như C và bên nhận tặng cho là ông Ngụy Như S và bà Ngụy Thị Kim O vô hiệu; hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BB 419915 do Ủy ban nhân dân thành phố H, tỉnh Quảng Nam cấp ngày 29/9/2010 đứng tên ông Ngụy Như S và bà Ngụy Thị Kim O; hủy Quyết định số 461/QĐ-UBND ngày 08/02/2017 của Ủy ban nhân dân thành phố H, tỉnh Quảng Nam về việc cho phép chuyển đổi vị trí sử dụng đất; hủy Quyết định số 1597/QĐ-UBND ngày 19/7/2017 của Ủy ban nhân dân thành phố H, tỉnh Quảng Nam về việc cho phép chuyển đổi vị trí sử dụng đất.

Đối với yêu cầu chia di sản thừa kế do ông Ngụy Như C để lại gồm ngôi nhà cấp 4 và đất tại thửa số 05, tờ bản đồ số 17, diện tích 609,5 m2, tại địa chỉ: Số 247/1 N, phường S, thành phố H, tỉnh Quảng Nam theo quy định của pháp luật: Tại phiên tòa hôm nay các đương sự đều có nguyện vọng chia di sản thừa kế bằng hiện vật, không yêu cầu chia theo giá trị. Căn cứ Điều 259 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 đề nghị Hội đồng xét xử tạm ngừng phiên tòa để đo đạc, thẩm định lại theo phương án phân chia bằng hiện vật.

Tại Bản án sơ thẩm số 59/2018/DS-ST ngày 30/11/2018 của Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Nam đã quyết định:

Căn cứ vào khoản 11 Điều 26, Điều 34 của Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 6 điều 35 và khoản 3 điều 36 của Luật công chứng năm 2006; Điều 117; Điều 122; Điều 129; Điều 616; Điều 618; Điều 623;Điều 649; Điều 650; Điều 651; Điều 652; Điều 658; Điều 660 của Bộ luật dân sự; điểm đ khoản 1 Điều 12; Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của ủy ban thương vụ Quốc hội quy đính về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Ngụy Như H về việc "Tranh chấp liên quan đến yêu cầu tuyên bố văn bản công chứng vô hiệu, yêu cầu hủy quyết định cá biệt và chia thừa kế theo pháp luật" đối với Văn phòng công chứng H, ông Ngụy Như S, bà Ngụy Thị Kim O:

- Tuyên bố hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất, số công chứng 02472, quyển số 01/TP/CC-SCC/HĐGD do Văn phòng công chứng H lập ngày 30/8/2010 được giao kết giữa bên tặng cho là ông Ngụy Như C và bên nhận tặng cho là ông Ngụy Như S và bà Ngụy Thị Kim O vô hiệu;

- Hủy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BB 419915 do Ủy ban nhân dân thành phố H, tỉnh Quảng Nam cấp ngày 29/9/2010 đứng tên ông Ngụy Như S và bà Ngụy Thị Kim O;

- Hủy Quyết định số 461/QĐ-UBND ngày 08/02/2017 của Ủy ban nhân dân thành phố H, tỉnh Quảng Nam về việc cho phép chuyển đổi vị trí sử dụng đất.

- Hủy Quyết định số 1597/QĐ-UBND ngày 19/7/2017 của Ủy ban nhân dân thành phố H, tỉnh Quảng Nam về việc cho phép chuyển đổi vị trí sử dụng đất.

- Chia di sản thừa kế do ông Ngụy Như C để lại gồm ngôi nhà cấp 4 và đất tại thửa số 05, tờ bản đồ số 17, diện tích 603,5 m^2 sau khi trừ diện tích 111,5 m^2 loại đất trồng cây lâu năm để sử dụng làm lối đi chung tại địa chỉ: Số 247/1 N, phường S, thành phố H, tỉnh Quảng Nam, diện tích đất ở 492 m^2 được chia như sau:

+ Ông Ngụy Như S được quyền sử dụng: 184,5m^2, tại thửa số 05, tờ bản đồ số 17, phường S, thành phố H, tỉnh Quảng Nam (Có sơ đồ bản vẽ kèm theo).

+ Bà Ngụy Thị Như Đ được quyền sử dụng: 307,5m^2, tại thửa số 05, tờ bản đồ số 17, phường S, thành phố H, tỉnh Quảng Nam (Có sơ đồ bản vẽ kèm theo).

- Bà Ngụy Thị Như Đ được sở hữu: toàn bộ tài sản gắn liền với diện tích đất 307,5m^2, tại thửa số 05, tờ bản đồ số 17 bao gồm:

+ Ngôi nhà của ông Ngụy Như C để lại có kết cấu nhà trệt, tường xây, mái lợp tôn, nền xi măng, ô tơ nhỏ hơn 3,5 mét; diện tích 8,3 x 8,7 = 72,21 m^2

+ Tài sản của vợ chồng ông Ngụy Như S, bà Trần Thị Minh N: Ngôi nhà cấp 4 có kết cấu nhà trệt, tường xây, mái lợp tôn, đóng la phông, nền lót gặc men, ô tơ nhỏ hơn 3,5 mét; diện tích 4,5 x 8,2 = 36,9 m^2; mái hiên có diện tích 8,2 x 3,5 = 28,7 m^2. Dãy phòng trọ có kết cấu nhà trệt, tường xây, mái lợp tôn, đóng la phông, nền lót gạch men, ô tơ nhỏ hơn 3,5 mét; diện tích 116,55 m^2; mái hiên diện tích 40,7 m^2.

Vợ chồng ông Ngụy Như S, bà Trần Thị Minh N được quyền lưu cư tại ngôi nhà cấp 4 có kết cấu nhà trệt, tường xây, mái lợp tôn, đóng la phông, nền lót gặc men, ô tơ nhỏ hơn 3,5 mét; diện tích 4,5 x 8,2 = 36,9 m^2; mái hiên có diện tích 8,2 x 3,5 = 28,7 m^2 trong thời hạn 06 tháng để ổn định chỗ ở kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật.

Bà Ngụy Thị Như Đ có nghĩa vụ thối trả cho:

+ Ông Ngụy Như H: 704.872.800 đồng (Bảy trăm không bốn triệu tám trăm bảy mươi hai nghìn tám trăm đồng);

+ Ông Ngụy Như T: 704.872.800 đồng (Bảy trăm không bốn triệu tám trăm bảy mươi hai nghìn tám trăm đồng);

+ Ông Ngụy Như H1: 704.872.800 đồng (Bảy trăm không bốn triệu tám trăm bảy mươi hai nghìn tám trăm đồng);

+ Ông Ngụy Như Q: 704.872.800 đồng (Bảy trăm không bốn triệu tám trăm bảy mươi hai nghìn tám trăm đồng);

+ Bà Ngụy Thị Kim O: 12.997.800 đồng (Mười hai triệu chín trăm chín mươi bảy nghìn tám trăm đồng);

+ Ông Ngụy Như S: 12.997.800 đồng (Mười hai triệu chín trăm chín mươi bảy nghìn tám trăm đồng);

+ Bà Ngụy Thị Như Đ có nghĩa vụ thối trả cho vợ chồng ông Ngụy Như S, bà Trần Thị Minh N giá trị ngôi nhà cấp 4 và dãy phòng trọ số tiền 232.150.380 đồng (Hai trăm ba mươi hai triệu một trăm năm mươi nghìn ba trăm tám mươi đồng).

Ông Ngụy Như S có nghĩa vụ thối trả cho ông Ngụy Như H, Ngụy Như T, Ngụy Như H1, Ngụy Thị Kim O, Ngụy Như Q, Ngụy Như Đ số tiền thu lợi từ cho thuê phòng trọ trên diện tích đất thừa kế mỗi người 74.057.000 đồng (Bảy mươi bốn triệu không trăm năm mươi bảy nghìn đồng).

Kể từ ngày người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án, nếu người phải thi hành án không trả số tiền nêu trên thi hằng tháng người phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi theo quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015 tương ứng với số tiền và thời gian chưa thi hành án.

Ngoài ra án sơ thẩm còn tuyên về án phí, chi phí tố tụng và quyền kháng cáo của đương sự.

Ngày 03/12/2018,ông Ngụy Như S- người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan kháng cáo với nội dung đề nghị xem xét lại Bản án sơ thẩm theo hướng bác đơn khởi kiện của nguyên đơn.

Tại phiên toà Đại diện viện kiểm sát cho rằng Thẩm phán chủ toạ phiên toà và hội đồng xét xử phúc thẩm đã chấp hành đúng quy định của pháp luật tố tụng.Về nội dung vụ án, Toà án cấp sơ thẩm đã giải quyết vụ án có căn cứ, đúng pháp luật, kháng cáo của ông Ngụy Như S không có cơ sở do vậy đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm áp dụng khoản 1 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự, không chấp nhận kháng cáo, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, xem xét tại phiên toà, kết quả tranh tụng, quan điểm của Viện kiểm sát, Hội đồng xét xử phúc thẩm nhận định như sau.

[1] Tại phiên toà phúc thẩm hôm nay, nguyên đơn giữ nguyên đơn khởi kiện, người kháng cáo giữ nguyên nội dung kháng cáo, các bên đương sự không thoả thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án. Toà án tiến hành giải quyết theo quy định của pháp luật.

[2] Xét nội dung kháng cáo của người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan ông Ngụy Như S yêu cầu Toà án cấp phúc thẩm xem xét lại Bản án sơ thẩm theo hướng xử bác đơn khởi kiện của nguyên đơn, Hội đồng xét xử phúc thẩm thấy rằng:

[3] Về hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất, số công chứng 02472, quyển số 01/TP/CC-SCC/HĐGD do Văn phòng công chứng H lập ngày 30/8/2010 được giao kết giữa bên tặng cho là ông Ngụy Như C và bên nhận tặng cho là ông Ngụy Như S và bà Ngụy Thị Kim O, thấy:

Do hợp đồng tặng cho này có tranh chấp nên xét thấy việc công chứng hợp đồng này thực hiện vào thời điểm Luật công chứng năm 2006 có hiệu lực pháp luật

nên Hội đồng xét xử cấp sơ thẩm căn cứ vào Luật công chứng năm 2006 để xem xét đối với hợp đồng này là đúng.

Theo khoản 6 Điều 35 và khoản 3 Điều 36 của Luật công chứng năm 2006 quy định "Người yêu cầu công chứng tự đọc dự thảo hợp đồng, giao dịch hoặc công chứng viên đọc cho người yêu cầu công chứng nghe. Trường hợp người yêu cầu công chứng đồng ý toàn bộ nội dung trong dự thảo hợp đồng, giao dịch thì ký vào từng trang của hợp đồng, giao dịch. Công chứng viên ghi lời chứng; ký vào từng trang của hợp đồng, giao dịch". Trong khi tại Hợp đồng này thì không hề có ai ký vào trang đầu tiên của hợp đồng. Hơn nữa, tại trang đầu tiên của Hợp đồng thể hiện nhiều nội dung quan trọng như bên tặng cho, bên nhận tặng cho, tài sản tặng cho; còn các trang còn lại của Hợp đồng chỉ thể hiện những nội dung mang tính khuôn mẫu của các hợp đồng tặng cho.

Theo Điều 39 của Luật công chứng năm 2006 quy định "1. Việc công chứng phải được thực hiện tại trụ sở của tổ chức hành nghề công chứng, trừ các trường hợp quy định tại khoản 2 Điều này.

2. Việc công chứng có thể được thực hiện ngoài trụ sở của tổ chức hành nghề công chứng trong trường hợp người yêu cầu công chứng là người già yếu không thể đi lại được, người đang bị tạm giữ, tạm giam, đang thi hành án phạt tù hoặc có lý do chính đáng khác không thể đến trụ sở của tổ chức hành nghề công chứng". Trong hợp đồng này thể hiện địa điểm công chứng là tại Văn phòng công chứng H. Tuy nhiên, đại diện theo ủy quyền của bị đơn ông Nguyễn Văn H3 thì trình bày "vì ông Ngụy Như C lớn tuổi, đi lại khó khăn nên việc công chứng được thực hiện tại nhà theo yêu cầu của người công chứng". Do đó, địa điểm thế hiện tại hợp đồng là không đúng với địa điểm công chứng trên thực tế.

Từ những vi phạm đã được phân tích đối với hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất, số công chứng 02472, quyển số 01/TP/CC-SCC/HĐGD do Văn phòng công chứng H lập ngày 30/8/2010 được giao kết giữa bên tặng cho là ông Ngụy Như C và bên nhận tặng cho là ông Ngụy Như S và bà Ngụy Thị Kim O không tuân thủ theo quy định tại khoản 6 Điều 35 và khoản 3 Điều 36; Điều 39 của Luật công chứng năm 2006. Do đó,Toà án cấp sơ thẩm cho rằng hợp đồng công chứng này vô hiệu là phù hợp quy định của pháp luật.

[4] Do hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất, số công chứng 02472, quyển số 01/TP/CC-SCC/HĐGD do Văn phòng công chứng H lập ngày 30/8/2010 được giao kết giữa bên tặng cho là ông Ngụy Như C và bên nhận tặng cho là ông Ngụy Như S và bà Ngụy Thị Kim O vô hiệu nên toà án cấp sơ thẩm tuyên hủy các quyết định sau: Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BB 419915 do Ủy ban nhân dân thành phố H, tỉnh Quảng Nam cấp ngày 29/9/2010 đứng tên ông Ngụy Như S và bà Ngụy Thị Kim O; Quyết định số 461/QĐ-UBND ngày 08/02/2017 của Ủy ban nhân dân thành phố H, tỉnh Quảng Nam về việc cho phép chuyển đổi vị trí sử dụng đất; Quyết định số 1597/QĐ-UBND ngày 19/7/2017 của Ủy ban nhân dân thành phố H, tỉnh Quảng Nam về việc cho phép chuyển đổi vị trí sử dụng đất lả có căn cứ.

[5] Do hủy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BB 419915 do Ủy ban nhân dân thành phố H, tỉnh Quảng Nam cấp ngày 29/9/2010 đứng tên ông Ngụy Như S và bà Ngụy Thị Kim O nên tài sản gồm ngôi nhà cấp 4 và đất tại thửa số 05, tờ bản đồ số 17, diện tích 609,5m^2, tại địa chỉ: số 247/1 N, phường S, thành phố H, tỉnh Quảng Nam là tài sản của ông Ngụy Như C. Ông Cam chết vào ngày 14/5/2011 và không để lại di chúc nên kể từ thời điểm này ngôi nhà cấp 4gắn liền với diện tích đất tại thửa số 05, tờ bản đồ số 17, diện tích 609,5 m^2, tại địa chỉ: số 247/1 N, phường S, thành phố H, tỉnh Quảng Nam trở thành di sản thừa kế và di sản này được chia cho các đồng thừa kế theo pháp luật. Những người thuộc hàng thừa kế thứ nhất của ông Ngụy Như C theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 651 Bộ luật Dân sự năm 2015 gồm các ông (bà): Ngụy Như H, Ngụy Như T, Ngụy Như Đ, Ngụy Như H1, Ngụy Như S, Ngụy Thị Kim O. Ngoài ra, ông Ngụy Như C còn có 01 người con tên Ngụy Như H2 đã chết vào năm 1988 (ông H2 chết trước người để lại di sản là ông Ngụy Như C), ông H2 có 01 người con ruột tên là Ngụy Như Q hiện còn sống nên ông Ngụy Như Q là người thừa kế thế vị theo quy định tại Điều 652 Bộ luật Dân sự năm 2015. Do đó, di sản thừa kế của ông Ngụy Như C được chia theo pháp luật cho các ông (bà) gồm: Ngụy Như H, Ngụy Như T, Ngụy Như Đ, Ngụy Như H1, Ngụy Như S, Ngụy Thị Kim O, Ngụy Như Q.

Về thứ tự ưu tiên thanh toán các nghĩa vụ tài sản và các khoản chi phí liên quan đến thừa kế theo quy định tại Điều 658 Bộ luật Dân sự năm 2015 thì những người được chia thừa kế thừa nhận không có và không yêu cầu các chi phí gồm: chi phí hợp lý theo tập quán cho việc mai táng, tiền cấp dưỡng còn thiếu, tiền trợ cấp cho người sống nương nhờ, tiền công lao động, tiền bồi thường thiệt hại, thuế và các khoản phải nộp khác vào ngân sách nhà nước, các khoản nợ khác đối với cá nhân, pháp nhân, tiền phạt, các chi phí khác. Riêng người quản lý di sản là ông Ngụy Như S được các đồng thừa kế thừa nhận. Tại phiên tòa sơ thẩm và tại phiên tòa hôm nay, Ông H, ông T, Bà Đ, ông Q thống nhất chia di sản thừa kế thành 08 phần bằng nhau. Trong đó, người quản lý di sản là ông Ngụy Như S được hưởng một phần nhưng ông S phải có nghĩa vụ trả tiền thu lợi từ việc cho thuê 06 phòng trọ mà ông S xây dựng trên đất của người để lại di sản là ông Ngụy Như C tương ứng với số tiền được các đương sự thừa nhận (600.000 đồng/1 phòng/1 tháng X 6 phòng) = 3.600.000 đồng/1 tháng. Vợ chồng ông S, Bà N bắt đầu xây dựng và cho thuê từ tháng 10 năm 2006 cho đến nay là 12 năm, số tiền thu lợi từ việc cho thuê 06 phòng trọ là: (3.600.000 đồng X 12 tháng X 12 năm) = 518. 400.000 đồng, số tiền này được chia đều cho các đồng thừa kế, ông S được hưởng 1/7 tương ứng 518.400.000 đồng: 7 = 74.057.000 đồng, ông S có nghĩa vụ thối trả cho các ông bà T, H, Đ, O, H1, Q mỗi người 74.057.000 đồng.

Xét di sản thừa kế là diện tích đất của ông Ngụy Như C để lại theo biên bản xem xét thẩm định tại chỗ ngày 25/9/2017 của Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Nam bao gồm: diện tích đất là 603,5 m^2 . So với Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất được cấp thì chênh lệch thiếu 06 m^2. Trong, quá trình giải quyết vụ án, Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Nam đã nhiều lần yêu cầu Uy ban nhân dân thành phố H xác định diện tích 06 m^2 này thuộc loại đất ở hay đất trồng cây lâu năm nhưng Ủy ban nhân dân thành phố H không xác định được. Do vậy, Hội đồng xét xử xác định diện tích đất 06 m^2 thiếu so với Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất là loại đất trồng cây lâu năm nên diện tích

603,5 m^2 có 111,5 m^2 đất trồng cây lâu năm và 492 m^2 đất ở. Di sản thừa kế của ông Ngụy Như C gồm diện tích 603,5 m^2 (trong đó có 111,5 m^2 đất trồng cây lâu năm và 492 m^2 đất ở) và tài sản gắn liền với diện tích đất là ngôi nhà cấp 4 của ông Ngụy Như C để lại. Đây là di sản thừa kế của ông Ngụy Như C được phân chia làm 8 phần bằng nhau cho những người thuộc hàng thừa kế thứ nhất và thừa kế thế vị gồm các ông (bà): Ngụy Như H, Ngụy Như T, Ngụy Như Đ, Ngụy Như H1, Ngụy Như S, Ngụy Thị Kim O, Ngụy Như Q, riêng ông Ngụy Như S được 02 phần (trong đó có 01 phần công quản lý, bảo quản di sản được các đương sự đồng ý). Đối với phần của bà Ngụy Thị Kim O thì tại biên bản hòa giải ngày 05/4/2018, Bà O đồng ý giao phần diện tích đất được chia cho ông Ngụy Như S trọn quyền sử dụng. Tại phiên tòa, ông Ngụy Như S đồng ý nhận phần diện tích đất được chia của Bà O và yêu cầu được chia quyền sử dụng đất để làm nhà ở. Đối với các ông Ngụy Như H, Ngụy Như T, Ngụy Như H1, Ngụy Như Q đề nghị được giao phần diện tích đất được chia cho bà Ngụy Thị Như Đ và yêu cầu Bà Đ thối trả giá trị quyền sử dụng đất bằng tiền theo giá thị trường tại biên bản định giá ngày 25/9/2017. Bà Ngụy Thị Như Đ đồng ý với yêu cầu của các ông Ngụy Như H, Ngụy Như T, Ngụy Như H1, Ngụy Như Q. Hội đồng xét xử xét thấy các yêu cầu của đương sự là phù hợp với quy định của pháp luật nên có cơ sở để chấp nhận. Cụ thể, diện tích đất của ông Ngụy Như C để lại sau khi trừ diện tích đất (loại đất trồng cây lâu năm) dùng để làm lối đi chung là 111,5 m^2; diện tích đất ở là 492 m^2 được chia thành 08 phần bằng nhau, mỗi phần là 61,5 m^2 . Trong đó, ông Ngụy Như S được 02 phần 61,5 m^2 X 2 = 123m^2 và 01 phần của bà Ngụy Thị Kim O 61,5 m^2, tổng cộng 184,5m^2. Bà Ngụy Thị Như Đ được 05 phần: 61,5 m^2 X 5 = 307,5m^2. Bà Đ có nghĩa vụ thối trả cho các ông Ngụy Như H, Ngụy Như T, Ngụy Như H1, Ngụy Như Q, mỗi người số tiền (11.250.000 đồng X 61,5 m^2) = 691.875.000 đồng.

Về tài sản gắn liền với đất: Ngôi nhà của ông Ngụy Như C để lại có kết cấu nhà trệt, tường xây, mái lợp tôn, nền xi măng, ô tơ nhỏ hơn 3,5 mét; diện tích 8,3 m X 8,7 m = 72,21 m^2 (các đương sự thống nhất giá trị ngôi nhà còn 70%) có giá trị (1.800.000 đồng/m^2 X 72,21 m^2) = 129.978.000 đắng X 70% = 90.984.600 đồng được chia thành 07 phần cho các ông (bà) Ngụy Như H, Ngụy Như T, Ngụy Như Đ, Ngụy Như H1, Ngụy Như S, Ngụy Thị Kim O, Ngụy Như Q, mỗi phần là 90.984.000 : 7 = 12.997.800 đồng. Ngôi nhà này giao cho bà Ngụy Thị Như Đ sở hữu, Bà Đ có nghĩa vụ thối trả cho các ông (bà) Ngụy Như H, Ngụy Như T, Ngụy Như Đ, Ngụy Như H1, Ngụy Như S, Ngụy Thị Kim O, Ngụy Như Q, mỗi người số tiền 12.997.800 đồng.

Ngoài ra, trong quá trình quản lý, sử dụng, vợ chồng ông Ngụy Như S, bà Trần Thị Minh N có xây dựng 01 ngôi nhà cấp 4 và 01 dãy phòng trọ, cụ thể: Ngôi nhà cấp 4 có kết cấu nhà trệt, tường xây, mái lợp tôn, đóng la phông, nền lót gạch men, ô tơ nhỏ hơn 3,5 mét; diện tích 4,5 m X 8,2 m = 36,9 m^2; mái hiên có diện tích 8,2 m X 3,5 m = 28,7 m^2 (các đương sự thống nhất giá trị các tài sản này còn 70%) có giá trị (2.012.000 đồng/m X 36,9 m^2 + 330.000 đồng X 28,7 m^2) = 83.713.800 đồng X 70% = 58.599.660 đồng. Dãy phòng trọ có kết cấu nhà trệt, tường xây, mái lợp tôn, đóng la phông, nền lót gạch men, ô tơ nhỏ hơn 3,5 mét; diện tích 116,55 m^2; mái hiên diện tích 40,7 m^2 (các đương sự thống nhất giá trị các tài sản này còn 70%) có giá trị

(2.012.000 đồng/m2 X 116,55 m^2 + 330.000 đồng X 40,7 m^2) = 247.929.600 đồng X 70% = 173.550.720 đồng. Toàn bộ tài sản này gắn liền với phần diện tích đất được chia cho bà Ngụy Thị Như Đ nên Hội đồng xét xử giao cho Bà Đ sở hữu tài sản trên và Bà Đ có nghĩa vụ thối trả cho vợ chồng ông S, Bà N số tiền 58.599 660 + 173.550.720 = 232.150.380 đồng.

Tổng cộng bà Ngụy Thị Như Đ phải thối trả cho các ông Ngụy Như H, Ngụy Như T, Ngụy Như H1, Ngụy Như Q, mỗi người số tiền (691.875.000 đồng + 12.997.800 đồng) = 704.872.800 đồng.

Từ những phân tích lập luận trên đây thấy Toà án cấp sơ thẩm chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có căn cứ. Kháng cáo của người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan ông Ngụy Như S không có cơ sở nên không được Hội đồng xét xử phúc thẩm chấp nhận, giữ nguyên Bản án sơ thẩm.

Do kháng cáo không được chấp nhận nên ông Ngụy Như S phải chịu án phí phúc thẩm dân sự theo quy định tại Nghị quyết 326/NQ-UBTVQH kl4 về án phí lệ phí.

Các quyết định khác của Bản án sơ thẩm không bị kháng cáo kháng nghị (về án phí sơ thẩm,chi phí xem xét thẩm định và định giá tài sản; quyền yêu cầu thi hành án) có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ khoản 1 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự: Không chấp nhận kháng cáo của người có quyền lơi nghĩa vụ liên quan ông Ngụy Như S, giữ nguyên Bản án sơ thẩm.

Căn cứ vào khoản 11 Điều 26, Điều 34 của Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 6 điều 35 và khoản 3 điều 36 của Luật công chứng năm 2006; Điều 117; Điều 122; Điệu 129; Điều 616; Điều 618; Điều 623;Điều 649; Điều 650; Điều 651; Điều 652; Điều 658; Điều 660 của Bộ luật dân sự; điểm đ khoản 1 Điều 12; Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Ngụy Như H về việc "Tranh chấp liên quan đến yêu cầu tuyên bố văn bản công chứng vô hiệu, yêu cầu hủy quyết định cá biệt và chia thừa kế theo pháp luật" đối với Văn phòng công chứng H, ông Ngụy Như S, bà Ngụy Thị Kim O:

- Tuyên bố hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất, số công chứng 02472, quyển số 01/TP/CC-SCC/HĐGD do Văn phòng công chứng H lập ngày 30/8/2010 được giao kết giữa bên tặng cho là ông Ngụy Như C và bên nhận tặng cho là ông Ngụy Như S và bà Ngụy Thị Kim O vô hiệu;

- Hủy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BB 419915 do Ủy ban nhân dân thành phố H, tỉnh Quảng Nam cấp ngày 29/9/2010 đứng tên ông Ngụy Như S và bà Ngụy Thị Kim O;

- Hủy Quyết định số 461/QĐ-UBND ngày 08/02/2017 của Ủy ban nhân dân thành phố H, tỉnh Quảng Nam về việc cho phép chuyển đổi vị trí sử dụng đất.

- Hủy Quyết định số 1597/QĐ-UBND ngày 19/7/2017 của Ủy ban nhân dân thành phố H, tỉnh Quảng Nam về việc cho phép chuyển đổi vị trí sử dụng đất.

- Chia di sản thừa kế do ông Ngụy Như C để lại gồm ngôi nhà cấp 4 và đất tại thửa số 05, tờ bản đồ số 17, diện tích 603,5 m^2 sau khi trừ diện tích 111,5 m^2 loại đất trồng cây lâu năm để sử dụng làm lối đi chung tại địa chỉ: số 247/1 N, phường S, thành phố H, tỉnh Quảng Nam, diện tích đất ở 492 m^2 được chia như sau:

+ Ông Ngụy Như S được quyền sử dụng: 184,5m^2, tại thửa số 05, tờ bản đồ số 17, phường S, thành phố H, tỉnh Quảng Nam (Có sơ đồ bản vẽ kèm theo).

+ Bà Ngụy Thị Như Đ được quyền sử dụng: 307,5m^2, tại thửa số 05, tờ bản đồ số 17, phường S, thành phố H, tỉnh Quảng Nam (Có sơ đồ bản vẽ kèm theo).

- Bà Ngụy Thị Như Đ được sở hữu: toàn bộ tài sản gắn liền với diện tích đất 307,5m2, tại thửa số 05, tờ bản đồ số 17 bao gồm:

+ Ngôi nhà của ông Ngụy Như C để lại có kết cấu nhà trệt, tường xây, mái lợp tôn, nền xi măng, ô tơ nhỏ hơn 3,5 mét; diện tích 8,3 X 8,7 = 72,21 m^2

+ Tài sản của vợ chồng ông Ngụy Như S, bà Trần Thị Minh N: Ngôi nhà cấp 4 có kết cấu nhà trệt, tường xây, mái lợp tôn, đóng la phông, nền lót gạch men, ô tơ nhỏ hơn 3,5 mét; diện tích 4,5 X 8,2 = 36,9 m^2; mái hiên có diện tích 8,2 X 3,5 = 28,7 m^2. Dãy phòng trọ có kết cấu nhà trệt, tường xây, mái lợp tôn, đóng la phông, nền lót gạch men, ô tơ nhỏ hơn 3,5 mét; diện tích 116,55 m^2; mái hiên diện tích 40,7 m^2.

Vợ chồng ông Ngụy Như S, bà Trần Thị Minh N được quyền lưu cư tại ngôi nhà cấp 4 có kết cấu nhà trệt, tường xây, mái lợp tôn, đóng la phông, nền lót gạch men, ô tơ nhỏ hơn 3,5 mét; diện tích 4,5 X 8,2 = 36,9 m^2; mái hiên có diện tích 8,2 X 3,5 = 28,7 m^2 trong thời hạn 06 tháng để ổn định chỗ ở kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật.

Bà Ngụy Thị Như Đ có nghĩa vụ thối trả cho:

+ Ông Ngụy Như H: 704.872.800 đồng (Bảy trăm không bốn triệu tám trăm bảy mươi hai nghìn tám trăm đồng);

+ Ông Ngụy Như T: 704.872.800 đồng (Bảy trăm không bốn triệu tám trăm bảy mươi hai nghìn tám trăm đồng);

+ Ông Ngụy Như H1: 704.872.800 đồng (Bảy trăm không bốn triệu tám trăm bảy mươi hai nghìn tám trăm đồng);

+ Ông Ngụy Như Q: 704.872.800 đồng (Bảy trăm không bốn triệu tám trăm bảy mươi hai nghìn tám trăm đồng);

+ Bà Ngụy Thị Kim O: 12.997.800 đồng (Mười hai triệu chín trăm chín mươi bảy nghìn tám trăm đồng);

+ Ông Ngụy Như S: 12.997.800 đồng (Mười hai triệu chín trăm chín mươi bảy nghìn tám trăm đồng);

+ Bà Ngụy Thị Như Đ có nghĩa vụ thối trả cho vợ chồng ông Ngụy Như S, bà Trần Thị Minh N giá trị ngôi nhà cấp 4 và dãy phòng trọ số tiền 232.150.380 đồng (Hai trăm ba mươi hai triệu một trăm năm mươi nghìn ba trăm tám mươi đồng).

Ông Ngụy Như S có nghĩa vụ thối trả cho ông Ngụy Như H, Ngụy Như T, Ngụy Như H1, Ngụy Thị Kim O, Ngụy Như Q, Ngụy Như Đ số tiền thu lợi từ cho thuê phòng trọ trên diện tích đất thừa kế mỗi người 74.057.000 đồng (Bảy mươi bốn triệu không trăm năm mươi bảy nghìn đồng).

Kể từ ngày người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án, nếu người phải thi hành án không trả số tiền nêu trên thì hằng tháng người phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi theo quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015 tương ứng với số tiền và thời gian chưa thi hành án.

2.Về án phí dân sự phúc thẩm: ông Ngụy Như S phải chịu 300.000 đồng tiền án phí phúc thẩm dân sự nhưng được trừ vào số tiền 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí phúc thẩm đã nộp theo biên lai thu số 0000211 ngày 3/12/2018 của Cục thi hành án dân sự tỉnh Quảng Nam.

Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không bị kháng cáo, kháng nghị (về án phí dân sự sơ thẩm, chi phí xem xét thẩm định, định giá tài sản; quyền yêu cầu thi hành án) có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:
- Tòa án nhân dân tối cao;
- VKSND cấp cao tại Đà Nẵng;
- TAND tỉnh Quảng Nam;
- VKSND tỉnh Quảng Nam;
- Cục thi hành án dân sự tỉnh Quảng Nam;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(Đã ký)

Nguyễn Cường